

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/DS-ST

Ngày: 20/12/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Bà Trần Thị Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Vào ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 161/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**Đại diện theo ủy quyền:** Anh Trần Đăng K, sinh năm 1996, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Chị Phùng Thị Thu T, sinh năm 1981, (vắng mặt);

Anh Nguyễn Thành S, sinh năm 1979, (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 19/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh H là anh Trần Đăng K trình bày:**

Vào ngày 30/9/2015, anh Nguyễn Thành S và chị Phùng Thị Thu T có mượn của bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 30.000.000 đồng, khi mượn chị T có làm giấy mượn tiền và thỏa thuận 06 tháng (hạn chót ngày 30/3/2016) sẽ trả cho bà H số tiền trên.

Khoảng 02 tháng sau thì chị T, anh S tiếp tục mượn của bà H thêm 23.000.000 đồng, chị T có viết là lấy thêm 23.000.000 đồng vào phía dưới giấy mượn tiền ngày 30/9/2015. Như vậy, anh S, chị T mượn của bà H tổng cộng số tiền 53.000.000 đồng. Đến hạn, bà H nhiều lần yêu cầu anh S, chị T trả tiền nhưng anh S, chị T hứa hẹn nhiều lần đến nay không trả.

Ngày 20/10/2021, anh K là đại diện ủy quyền của bà H xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh S về việc yêu cầu trả số tiền 53.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh K xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 23.000.000 đồng. Nay bà H chỉ yêu cầu chị Phùng Thị Thu T trả số tiền 30.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

***\* Bị đơn anh Nguyễn Thành S trình bày:***

Việc bà H có cho chị T mượn tiền hay không anh không biết, bà H không có thông qua anh và anh không có mượn tiền nên anh không đồng ý trả. Anh không có liên quan gì trong vụ kiện này nên anh xin được vắng mặt.

\* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhưng chị T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn chị T đã được tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, anh K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu khởi kiện đối với anh S mà chỉ khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền 30.000.000 đồng, rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 23.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh S về yêu cầu trả số tiền 53.000.000 đồng. Xác định bị đơn trong vụ án này là chị Phùng Thị Thu T. Đồng thời đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H về việc yêu cầu chị Phùng Thị Thu T trả số tiền 23.000.000 đồng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu bị đơn chị Phùng Thị Thu T trả số tiền 30.000.000 đồng, chị T có địa chỉ tại ấp H, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị Phùng Thị Thu T trả số tiền 30.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Giao dịch dân sự về việc cho mượn tiền giữa bà H với chị T có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

3.2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi nguyên đơn cung cấp “Giấy cho mượn tiền ngày 30/9/2015” do chị T viết và ký tên người nhận Phùng Thị Thu T, thỏa thuận thời hạn trả tiền là 06 tháng (ngày 30/3/2016). Như vậy, thực tế giao dịch cho mượn tiền giữa chị H với chị T đã phát sinh nhưng đến nay chị T vẫn không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu chị T trả lại số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Bị đơn chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc chị Phùng Thị Thu T phải trả số tiền 30.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn PH chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ:**

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H về việc yêu cầu anh Nguyễn Thành S trả số tiền 53.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H về việc yêu cầu chị Phùng Thị Thu T trả số tiền 23.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H.

Buộc chị Phùng Thị Thu T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 30.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Phùng Thị Thu T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Chị Phùng Thị Thu T phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 1.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000156 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Thị Mỹ Nhanh**

